

Bản án số: 542/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng
đại lý bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Nguyên

2- Bà Phạm Thị Hồng Lài

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 406/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ P.

Địa chỉ: Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông G. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Giấy ủy quyền ngày 27/10/2021):

1/ Bà **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1981 (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

2/ Ông **Hoàng Văn T**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà **Nguyễn Thị Thu U**, sinh năm 1997. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 19/10/2022).

Bi đơn: Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có bà Trần Thị Ngọc D, ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Thu U trình bày như sau:

Ngày 18/8/2018, bà Đinh Thị T đã làm Đơn xin làm đại lý bảo hiểm với mong muốn gia nhập Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ P (sau đây gọi là Công ty). Sau khi xem xét hồ sơ, ngày 31/8/2018, Công ty và bà T đã ký Hợp đồng đại lý, bà T chính thức trở thành đại lý của Công ty, đại diện cho Công ty để thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểm, giới thiệu và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Đồng thời, theo Hợp đồng đại lý này, Công ty sẽ chi trả tiền hoa hồng căn cứ trên các sản phẩm bảo hiểm mà bà T bán được (“tiền hoa hồng”).

Cũng trong ngày 31/8/2018, Công ty và bà T đã ký Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm (Dành cho Đại lý Bảo hiểm cá nhân) số: SG3/PHL/HĐĐL/60016250 (bút lục 107) và Hợp đồng Quản lý Đại lý Bảo hiểm số: SG3/PHL/HĐQL/60016250 (bút lục 105), bà T sẽ thực hiện việc quản lý các hoạt động của các đại lý bảo hiểm bên dưới (trong đội nhóm dưới quyền của bà T), đề hỗ trợ và đôn đốc các đại lý bên dưới này thực hiện việc giới thiệu và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho các khách hàng tiềm năng. Theo Hợp đồng Quản lý đại lý này, Công ty sẽ chi trả thêm cho bà T một khoản tiền thưởng quản lý (“tiền thưởng quản lý”).

Trong ngày 30/9/2018, Công ty và bà T đã ký Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh (DM) (“Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh” hoặc “Thỏa thuận”) Lựa chọn B (bút lục 103). Theo đó, bà T sẽ nhận được khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt, nếu đáp ứng một số điều kiện (bút lục 98).

Tại bản Thỏa thuận bà T đã đồng ý và cam kết hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận trong trường hợp:

i. Trường hợp DM thay đổi chức vụ vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (mười tám) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận nếu DM đạt dưới 06 tháng Hỗ trợ tài chính.

ii. Trường hợp DM chấm dứt/bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/Hợp đồng Quản lý đại lý với Công ty vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (mười tám) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận.

iii. DM đồng ý hoàn trả các khoản hỗ trợ tài chính này trước khi chấm dứt Hợp đồng đại lý/Hợp đồng Quản lý Đại lý với Công ty, việc hoàn trả được thực hiện theo yêu cầu và thông báo của Công ty.

Bản chất của Thỏa thuận hỗ trợ kinh doanh là một khoản thưởng thêm có điều kiện của Công ty dành cho bà T. Lý do là bà T là người có năng lực và kinh nghiệm (trước đó bà T từng làm việc tại Công ty bảo hiểm nhân thọ Generali Việt Nam). Công ty muốn thu hút nhân tài, nên đã dành cho bà T sự đãi ngộ này. Tuy nhiên, đây là khoản tiền thưởng thêm có điều kiện và các điều kiện đã được các bên (Công ty và bà T) đàm phán và cam kết rất rõ, thể hiện trong các điều khoản của bản Thỏa thuận đã ký.

Trên thực tế, bà T đã cộng tác với Công ty theo các Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết nêu trên, trong khoảng thời gian từ 31/8/2018 đến 18/5/2020. Trong khoảng thời gian này, Công ty đã chi trả cho bà T tổng cộng 22 lần, với số tiền chi tiết như sau:

Lần thanh toán	Ngày thanh toán	Số tiền thanh toán	Diễn giải
-----------------------	------------------------	---------------------------	------------------

Lần 1	22/10/2018	7.601.260 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 7.601.260 đồng
Lần 2	06/11/2018	13.746.990 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 13.746.990 đồng
Lần 3	22/11/2018	14.773.180 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 14.773.180 đồng
Lần 4	05/12/2018	71.462.866 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 1.462.866 đồng. - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 70.000.000 đồng.
Lần 5	19/12/2018	8.346.960 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 8.346.960 đồng
Lần 6	08/01/2019	103.202.370 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 33.202.370 đồng - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 70.000.000 đồng.
Lần 7	30/01/2019	144.882.975 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 74.882.975 đồng - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 70.000.000 đồng.
Lần 8	20/02/2019	3.195.580 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 3.195.580 đồng.
Lần 9	07/03/2019	75.118.138 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 15.118.138 đồng - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 10	21/03/2019	47.489.782 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 47.489.782 đồng
Lần 11	04/04/2019	71.134.419 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 11.134.419 đồng - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 12	24/04/2019	2.661.444 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 2.661.444 đồng
Lần 13	07/05/2019	142.350.033 đồng	<u>Trong đó:</u> - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý:

			82.350.033 đồng. - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 14	21/05/2019	2.830.050 đồng	Trong đó: - Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 2.830.050 đồng
Lần 15	05/06/2019	90.404.166 đồng	- Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 30.404.166 đồng. - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 16	19/06/2019	8.257.419 đồng	- Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 8.257.419 đồng
Lần 17	04/07/2019	72.739.866 đồng	- Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 12.739.866 đồng. - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 18	18/07/2019	15.864.696 đồng	- Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 15.864.696 đồng
Lần 19	06/08/2019	113.516.507 đồng	- Tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý: 53.516.507 đồng. - Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng
Lần 20	06/09/2019	57.000.000 đồng	- Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng Công ty giữ lại 1 khoản thuế tạm thu
Lần 21	03/10/2019	57.000.000 đồng	- Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng Công ty giữ lại 1 khoản thuế tạm thu
Lần 22	06/11/2019	55.734.886 đồng	- Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 60.000.000 đồng Công ty giữ lại 1 khoản thuế tạm thu

Như vậy, tính đến ngày 06/11/2019, Công ty đã chuyển cho bà T tổng cộng số tiền là 1.179.313.587 đồng, trong đó:

- Tiền Hoa hồng và Tiền thưởng quản lý: 429.313.587 đồng.
- Khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt: 750.000.000 đồng.

Sau đó, từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2020, bà T đã không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào cho Công ty, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào; đồng thời bà T không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm. Chính vì vậy, vào tháng 5/2020, Công ty đã quyết định đình chỉ Hợp đồng đại lý với bà T (chấm dứt Hợp đồng) vào ngày **18/5/2020** (bút lục 109– *Thông báo Đình chỉ Hợp đồng Đại lý, Hợp đồng Quản lý Đại lý*). Việc chấm dứt Hợp đồng của Công ty đối với bà T là căn cứ vào điều khoản Hợp đồng đại lý đã ký kết giữa 2 bên, cụ thể là:

- Điều 16.2 quy định Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng đại lý khi: “*Đại lý bảo hiểm không đáp ứng một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn bảo hiểm theo quy định tại Hợp đồng này, các phụ lục của Hợp đồng này và các quy định của Công ty tại từng thời điểm*”.

Bên cạnh đó, kết quả hoạt động của bà T rất tệ trong giai đoạn từ 11/2019 đến tháng 5/2020, doanh số gần như bằng 0. Căn cứ vào quy chế của Công ty (được thể hiện trong Hợp đồng đại lý bảo hiểm và Chính sách thăng tiến và duy trì Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý của Công ty), nếu một đại lý bảo hiểm bất kỳ mà trong 03 tháng liên tục không bán được Hợp đồng bảo hiểm nào thì Công ty sẽ ra quyết định chấm dứt Hợp đồng đại lý.

Căn cứ trên việc Hợp đồng đại lý bị chấm dứt vào tháng 5/2020, bà T đã không thỏa điều kiện để nhận khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt theo (“Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh đã ký ngày 30/9/2018).

(Tại bản Thỏa thuận, bà T đã đồng ý và cam kết hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận trong trường hợp:

Trường hợp DM chấm dứt/bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/Hợp đồng Quản lý đại lý với Công ty vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 (mười tám) tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận.

Vì vậy, theo đó, bà T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 745.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Đây là số tiền 750.000.000 đồng sau khi đã trừ đi khoản quỹ đảm bảo ban đầu mà công ty đang giữ của bà T là 5.000.000 đồng.

Mặc dù, từ năm 2020 đến nay, Công ty đã nhiều lần gửi thư yêu cầu, liên hệ và trao đổi với bà T về việc thanh toán lại cho Công ty khoản tiền trên nhưng bà T vẫn không có thiện chí hoàn trả. Vì vậy, Công ty đã khởi kiện bà T ra Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nhằm yêu cầu bà T hoàn trả cho Công ty khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt theo Thỏa thuận đã ký là 745.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Nay bà Trần Thị Ngọc D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ P yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị T phải hoàn trả cho Công ty toàn bộ số tiền 745.000.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm triệu đồng) (sau khi trừ đi số tiền Quỹ Bảo đảm 5.000.000 đồng đã thu của bị đơn) và trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị Thu U là đại diện theo ủy quyền lại của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P sau khi tính toán thì cần trừ bớt đi số tiền cho bà T theo bản sao kê mà Công ty giữ lại 1 khoản thuế tạm thu của 3 tháng (tháng 9, 10, 11) là 10.265.114 đồng. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị T hoàn trả số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt là 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

Bị đơn – bà Đinh Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt tại địa chỉ xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đinh Thị T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử mà không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình cũng như nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị T vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng thời hạn giao thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 196 và khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định: bà Đinh Thị T có làm Đơn xin làm đại lý bảo hiểm với mong muốn gia nhập với Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P, hai bên có ký Hợp đồng đại lý bảo hiểm, Hợp đồng Quản lý đại lý bảo hiểm và Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trường khu vực kinh doanh (DM) Lựa chọn B. Bị đơn bà Đinh Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa mà không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, thì phải chịu hậu quả của việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt là 745.000.000 đồng theo thoả thuận hai bên đã ký kết. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu là buộc bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt 734.734.886 đồng (Do trừ đi số tiền 10.264.114 đồng là tiền khoản thuế tạm thu của bị đơn). Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng). Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp vụ án: Công ty cổ phần Bảo hiểm nhân thọ P (sau đây gọi là Công ty bảo hiểm) khởi kiện tranh chấp Hợp đồng Bảo hiểm đối với bà Đinh Thị T, cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Theo đơn xin làm đại lý bảo hiểm ngày 18/8/2018 của bà Đinh Thị T có ghi địa chỉ thường trú tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và theo phiếu trả lời xác minh của Công an xã A gửi cho Tòa án có nội dung: “ Bà Đinh Thị T, sinh năm: 1981 không còn cư trú tại xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đó có đăng ký tạm trú)”. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao quy định địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn được xác định là cư trú tại huyện B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: bị đơn - bà Đinh Thị T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[5] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là bà Đinh Thị T hoàn trả toàn bộ số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt là 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng). Bị đơn bà Đinh Thị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa đến lần thứ 2, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả số tiền 734.734.886 đồng. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[7] Ngày 18/8/2018 bị đơn có đơn xin làm đại lý Bảo hiểm và được nguyên đơn chấp thuận, hai bên có ký kết và thỏa thuận gồm có: Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm (Dành cho Đại lý Bảo hiểm cá nhân) số: SG3/PHL/HĐĐL/60016250 ngày 31/8/2018 (bút lục 107); Hợp đồng Quản lý Đại lý Bảo hiểm số: SG3/PHL/HĐQL/60016250 ngày 31/8/2018 (bút lục 105); Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh (DM) Lựa chọn B (bút lục 103) đồng thời bị đơn còn ký giấy xác nhận (dành cho IC và DM) ngày 31/8/2018 (bút lục 77 và 78) là nhận các văn kiện quy định về: Chính sách về thu nhập, thăng tiến và điều kiện duy trì Hợp đồng Đại lý bảo hiểm đối với Chuyên viên tư vấn bảo hiểm; Các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng đại lý bảo hiểm; Tiền ký quỹ và các biện pháp khắc phục cho Đại lý bảo hiểm; Hoa hồng đại lý bảo hiểm; Cẩm nang trách nhiệm và đạo đức đại lý bảo hiểm. Hội đồng xét xử xét về hình thức và nội dung của các hợp đồng, các văn bản thỏa thuận đã thực hiện đúng quy định tại Điều 3, Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 84 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 nên Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm phát sinh hiệu lực.

[8] Theo bản sao kê do Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ngày 19/11/2020 (bút lục 32) xác định từ ngày 22/10/2018 đến ngày 06/11/2019 (13 tháng) nguyên đơn Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân Thọ P (số tài khoản 0181003409276) đã chuyển cho người thụ hưởng bị đơn Đinh Thị T (số tài khoản 0331000495530) tại Ngân hàng Vietcombank, tổng cộng số tiền chuyển là 1.179.313.587 đồng (bao gồm: Tiền hoa hồng, tiền thưởng quản lý: 429.313.587 đồng và Tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt: 750.000.000 đồng). Do đó, có cơ sở là nguyên đơn đã chuyển số tiền nêu trên cho bị đơn liên tục trong 13 tháng.

[9] Theo bản thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho Trưởng khu vực kinh doanh (DM) do hai bên ký kết (bút lục 103) tại Điều 4.2 “ Công ty bảo lưu quyền chấm dứt Thỏa thuận vào bất kỳ thời điểm nào nếu DM không đạt bất kỳ chỉ tiêu nào

được quy định tại Điều 2 của thỏa thuận này trong 3 tháng áp dụng liên tục hoặc cộng dồn.”; Tại Điều 1.4 “ *Chuyên viên Tư vấn Bảo hiểm hoạt động là Chuyên viên Tư vấn Bảo hiểm còn làm việc tại Công ty và có ít nhất 1 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được phát hành trong tháng làm việc*”. Theo quy định tại điểm f khoản 2 Điều 7 của Bản Điều kiện và Điều khoản Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm quy định nghĩa vụ Đại lý Bảo hiểm (bút lục 98 đến 88): “... f. **Phải đạt được các chỉ tiêu hoạt động do Công ty đề ra theo từng thời điểm, từng cấp bậc. Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm nếu Đại lý không hoàn thành các chỉ tiêu do Công ty đề ra tại Phụ lục 2 (Thu nhập, Điều kiện duy trì Hợp đồng Đại lý Bảo hiểm và Thăng tiến đối với Chuyên viên Tư vấn Bảo hiểm) ...**”. Từ tháng 11/2019 cho đến tháng 5/2020 bị đơn đã không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào, không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào cho nguyên đơn. Do đó nguyên đơn đã quyết định đình chỉ Hợp đồng đại lý, Hợp đồng Quản lý Đại lý số 2198-2020/HĐĐL/TBĐC-PHL ngày 18/5/2020 đối với bị đơn bà Đinh Thị T là có cơ sở.

[10] Tại Hợp đồng thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho Trưởng khu vực kinh doanh (DM) ngày 30/9/2020 do hai bên ký kết (bút lục 100) quy định về hoàn trả các khoản hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho DM: “.... 3.2 - **Trường hợp DM chấm dứt/bị chấm dứt Hợp đồng Đại lý/Hợp đồng Quản lý Đại lý vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 tháng kể từ ngày nhận khoản Hỗ trợ tài chính lần sau cùng, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận.** ...”. Từ các nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn là chuyên viên thăng cấp lên Trưởng Khu vực kinh doanh (DM) thì bị đơn vừa là Chuyên viên Tư vấn Bảo hiểm (IC) vừa là Trưởng Khu vực Kinh doanh (DM) nên phải có trách nhiệm đôn đốc, duy trì hoạt động quản lý đội nhóm, thực hiện chỉ tiêu ít nhất 1 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được phát hành trong tháng làm việc, đồng nghĩa với quyền lợi sẽ được nhận khoản Hỗ trợ tài chính đặc biệt từ phía nguyên đơn chuyển cho mình. Do bị đơn đã không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào, bị đơn không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào cho nguyên đơn liên tục trong 3 tháng, vì vậy nguyên đơn đã quyết định đình chỉ Hợp đồng đại lý, Hợp đồng Quản lý Đại lý đối với bị đơn và yêu cầu bị đơn phải hoàn trả toàn bộ số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận sau khi trừ đi khoản tiền Quỹ Bảo đảm 5.000.000 đồng mà bị đơn đã nộp cho nguyên đơn và trừ đi số tiền 10.265.114 đồng theo bản sao kê mà Công ty giữ lại 1 khoản thuế tạm thu của 3 tháng vào các ngày 06/9/2019 (số tiền 3.000.000 đồng), ngày 03/10/2019 (số tiền 3.000.000 đồng), ngày 06/11/2019 (số tiền 4.265.114 đồng). Tổng số tiền bị đơn phải hoàn trả là 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng). Căn cứ khoản 1 Điều 120 Bộ luật dân sự 2015 quy định về hợp đồng giao dịch dân sự có điều kiện: “ ...1. *Trường hợp các bên có thỏa thuận về điều kiện phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự thì khi điều kiện đó xảy ra, giao dịch dân sự phát sinh hoặc hủy bỏ.* ...”. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng giao dịch dân sự có điều kiện mà hai bên đã ký kết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 275, Điều 284 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 83, Điều 84, Điều 85 Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm.

[11] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3, Điều 117, Điều 120, khoản 1 Điều 275, Điều 284 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 84 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000;

Căn cứ Điều 83, Điều 84, Điều 85 Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Thi hành Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ P yêu cầu bà Đinh Thị T trả số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

- Buộc bà Đinh Thị T trả số tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt 734.734.886 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng).

- Các đương sự có quyền thỏa thuận nơi thực hiện việc giao nhận tiền. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì thực hiện việc giao nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Đinh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.389.395 đồng (Ba mươi ba triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng)

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty cổ phần bảo hiểm nhân thọ P 16.900.000 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0040293 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (6);
- TAND TP.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự cùng cấp (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

Ôn Kim Chi